

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Kỹ nghệ  
Gỗ Trường Thành**

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024



# Công ty Cổ phần Tập đoàn Kỹ nghệ Gỗ Trường Thành

## MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Tổng Giám đốc	2
Bảng cân đối kế toán riêng	4 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	7 - 8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	9 - 10
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng	11 - 44

# Công ty Cổ phần Tập đoàn Kỹ nghệ Gỗ Trường Thành

## THÔNG TIN CHUNG

### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Tập đoàn Kỹ nghệ Gỗ Trường Thành (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp (“GCNĐKDN”) số 3700530696 do Sở Kế hoạch và Đầu tư (“SKHĐT”) Tỉnh Bình Dương cấp ngày 18 tháng 8 năm 2003, và theo các GCNĐKDN điều chỉnh sau đó.

Cổ phiếu của Công ty, với mã chứng khoán là TTF, được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (“HOSE”) theo Quyết định số 24/QĐ-SGDHCM do Tổng Giám đốc HOSE ký ngày 1 tháng 2 năm 2008.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là sản xuất, chế biến, kinh doanh đồ gỗ nội thất và ngoại thất như bàn, ghế, giường, tủ và các sản phẩm khác; trồng rừng và xây dựng các công trình dân dụng.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Đường ĐT 747, Khu phố 7, Phường Uyên Hưng, Thành phố Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam và Văn phòng Đại diện đăng ký tại Số 1, Đường Einstein, Phường Bình Thọ, Quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Mai Hữu Tín	Chủ tịch HĐQT
Ông Vũ Xuân Dương	Phó Chủ tịch HĐQT
Ông Nguyễn Trọng Hiếu	Thành viên HĐQT
Ông Võ Quốc Lợi	Thành viên HĐQT
Bà Nguyễn Thị Minh Hằng	Thành viên HĐQT độc lập

### ỦY BAN KIỂM TOÁN TRỰC THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Ủy ban Kiểm toán trực thuộc Hội đồng Quản trị của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Nguyễn Thị Minh Hằng	Chủ tịch
Ông Võ Quốc Lợi	Thành viên

### TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này là Ông Nguyễn Trọng Hiếu.

### NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này là:

Ông Mai Hữu Tín	Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị
Ông Nguyễn Trọng Hiếu	Tổng Giám đốc

### KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

# Công ty Cổ phần Tập đoàn Kỹ nghệ Gỗ Trường Thành

## BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Kỹ nghệ Gỗ Trường Thành ("Công ty") trân trọng trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

### TRÁCH NHIỆM CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng cho từng kỳ kế toán phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng này, Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng; và
- ▶ lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng kèm theo.

### CÔNG BỐ CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính riêng kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Công ty có các công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 16.1 của báo cáo tài chính riêng kèm theo. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC - Hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại văn bản này, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 đề ngày 27 tháng 1 năm 2025.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty.



Nguyễn Trọng Hiếu  
Tổng Giám đốc

Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Ngày 27 tháng 01 năm 2025



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 12 năm 2024	Ngày 01 tháng 01 năm 2024
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>1.243.534.846.045</b>	<b>1.693.527.135.583</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>4</b>	<b>91.067.517.899</b>	<b>106.354.655.498</b>
111	1. Tiền		42.612.945.110	62.907.004.087
112	2. Các khoản tương đương tiền		48.454.572.789	43.447.651.411
<b>120</b>	<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>		<b>30.674.402.573</b>	<b>59.192.527.439</b>
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	5	30.674.402.573	59.192.527.439
<b>130</b>	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>858.202.690.359</b>	<b>1.004.169.827.123</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6	527.334.463.947	654.096.330.320
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	7	282.385.600.689	277.850.717.352
134	3. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng		7.256.450.927	7.256.450.927
135	4. Phải thu về cho vay ngắn hạn	8	334.405.746.152	363.587.277.752
136	5. Phải thu ngắn hạn khác	9	154.725.078.278	160.479.646.558
137	6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	10	(447.904.649.634)	(459.100.595.786)
<b>140</b>	<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>11</b>	<b>248.650.149.099</b>	<b>281.160.044.865</b>
141	1. Hàng tồn kho		267.179.597.578	298.670.623.291
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(18.529.448.479)	(17.510.578.426)
<b>150</b>	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>14.940.086.115</b>	<b>242.650.080.658</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	15	3.533.710.906	2.761.313.312
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ	19	11.232.412.666	14.064.764.798
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	19	173.962.543	168.213.822
155	4. Tài sản ngắn hạn khác	16	-	225.655.788.726

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 12 năm 2024	Ngày 01 tháng 01 năm 2024
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>1.344.231.690.215</b>	<b>1.094.291.438.052</b>
<b>210</b>	<b>I. Khoản phải thu dài hạn</b>		<b>32.100.000.000</b>	<b>16.600.000.000</b>
215	1. Phải thu về cho vay dài hạn	8	32.100.000.000	16.600.000.000
<b>220</b>	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>388.543.454.092</b>	<b>182.317.198.354</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	12	379.016.920.682	171.199.371.575
222	Nguyên giá		687.552.813.423	388.010.491.833
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(308.535.892.741)	(216.811.120.258)
227	2. Tài sản cố định vô hình	13	9.526.533.410	11.117.826.779
228	Nguyên giá		24.068.405.852	23.157.505.852
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(14.541.872.442)	(12.039.679.073)
<b>240</b>	<b>III. Tài sản dở dang dài hạn</b>		<b>43.754.651.535</b>	<b>67.180.875.797</b>
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	14	43.754.651.535	67.180.875.797
<b>250</b>	<b>IV. Đầu tư tài chính dài hạn</b>		<b>801.749.494.379</b>	<b>813.933.147.202</b>
251	1. Đầu tư vào công ty con	17.1	504.225.744.949	544.825.744.949
252	2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	17.2	386.259.356.370	386.259.356.370
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	17	279.784.766	279.784.766
254	4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	17	(91.890.034.972)	(117.431.738.883)
255	5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	5, 17	2.874.643.266	-
<b>260</b>	<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>78.084.090.209</b>	<b>14.260.216.699</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	15	78.084.090.209	14.260.216.699
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>2.587.766.536.260</b>	<b>2.787.818.573.635</b>

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 12 năm 2024	Ngày 01 tháng 01 năm 2024
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>2.220.615.313.807</b>	<b>2.352.540.725.626</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>1.185.734.237.521</b>	<b>1.317.764.832.339</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	18.1	173.013.284.795	185.413.273.694
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	18.2	215.684.853.374	310.952.976.694
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	19	19.765.825.958	42.572.780.264
314	4. Phải trả người lao động		17.743.758.042	18.662.347.725
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	20	331.835.552.195	363.992.158.727
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	21	8.154.110.596	9.604.774.102
320	7. Vay ngắn hạn	22	419.536.852.561	384.750.322.638
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		-	1.816.198.495
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>1.034.881.076.286</b>	<b>1.034.775.893.287</b>
332	1. Người mua trả tiền trước dài hạn	18.2	1.032.336.527.786	1.032.336.527.786
337	2. Phải trả dài hạn khác		1.356.000.000	1.250.817.001
342	3. Dự phòng phải trả dài hạn		1.188.548.500	1.188.548.500
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>367.151.222.453</b>	<b>435.277.848.009</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>23.1</b>	<b>367.151.222.453</b>	<b>435.277.848.009</b>
411	1. Vốn cổ phần		4.111.983.020.000	4.111.983.020.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		3.935.483.020.000	3.935.483.020.000
411b	- Cổ phiếu ưu đãi		176.500.000.000	176.500.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		(517.711.506.620)	(517.711.506.620)
415	3. Cổ phiếu quỹ		(552.965.000)	(552.965.000)
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		16.176.475.297	16.176.475.297
421	5. Lỗi lũy kế		(3.242.743.801.224)	(3.174.617.175.668)
421a	- Lỗi lũy kế đến cuối kỳ trước		(3.195.797.175.668)	(3.071.111.713.626)
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (lỗ) kỳ này		(46.946.625.556)	(103.505.462.042)
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>2.587.766.536.260</b>	<b>2.787.818.573.635</b>



Phan Hồng Hoàng  
Người lập kiểm Kế toán trưởng

Ngày 27 tháng 01 năm 2025



Nguyễn Trọng Hiếu  
Tổng Giám đốc



## Công ty Cổ phần Tập đoàn Kỹ nghệ Gỗ Trường Thành

B02a-DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Quý IV		Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		223.720.964.308	352.670.267.905	962.633.820.287	1.249.614.896.799
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	(40.390.238)	(1.007.782.065)	(40.390.238)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	24	223.720.964.308	352.629.877.667	961.626.038.222	1.249.574.506.561
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	25	(230.953.037.964)	(269.507.002.575)	(870.013.528.871)	(1.053.914.767.137)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		(7.232.073.656)	83.122.875.092	91.612.509.351	195.659.739.424
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính		47.959.996.349	2.058.576.672	67.787.166.864	22.682.495.484
22	7. Chi phí tài chính	26	(18.115.528.949)	(11.374.811.566)	(86.824.907.275)	(58.973.222.750)
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		(16.411.439.695)	(14.522.881.082)	(65.402.626.930)	(57.546.163.819)
25	8. Chi phí bán hàng	27	(20.411.031.280)	(18.422.555.958)	(88.868.446.451)	(85.093.668.045)
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	27	(34.616.681.378)	(15.820.952.328)	(31.554.085.184)	(66.971.259.276)
30	10. Lợi nhuận (lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh		(32.415.318.914)	39.563.131.912	(47.847.762.695)	7.304.084.837
31	11. Thu nhập khác		6.297.375.573	1.893.734.299	8.871.573.210	7.176.489.147
32	12. Chi phí khác		(2.169.602.074)	(78.084.401.141)	(7.970.436.071)	(86.101.407.214)
40	13. Lợi nhuận (lỗ) khác		4.127.773.499	(76.190.666.842)	901.137.139	(78.924.918.067)



# Công ty Cổ phần Tập đoàn Kỹ nghệ Gỗ Trường Thành

B02a-DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG (tiếp theo)  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Quý IV		Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
50	14. Tổng lợi nhuận (lỗ) kế toán trước thuế		(28.287.545.415)	(36.627.534.930)	(46.946.625.556)	(71.620.833.230)
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	30	-	(31.884.628.812)	-	(31.884.628.812)
60	16. Lợi nhuận (lỗ) sau thuế TNDN		(28.287.545.415)	(68.512.163.742)	(46.946.625.556)	(103.505.462.042)



Phan Hồng Hoàng  
Người lập kiêm Kế toán trưởng



Nguyễn Trọng Hiếu  
Tổng Giám đốc

Ngày 27 tháng 01 năm 2025

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG**  
cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>01</b>	<b>Tổng (lỗ) lợi nhuận kế toán trước thuế</b>		<b>(46.946.625.556)</b>	<b>(71.620.833.230)</b>
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn	12, 13	25.896.436.457	28.421.830.368
03	Hoàn nhập các khoản dự phòng		(35.718.780.010)	7.603.752.996
04	(Lỗ) lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái		(239.580.985)	303.366.824
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(53.733.241.924)	6.163.556.813
06	Chi phí lãi vay	26	66.342.882.538	57.546.163.819
<b>08</b>	<b>Lỗ từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>		<b>(44.398.909.480)</b>	<b>28.417.837.590</b>
09	Giảm (tăng) các khoản phải thu		200.336.939.822	(92.300.022.650)
10	Tăng (giảm) hàng tồn kho		31.491.025.713	146.178.928.080
11	Tăng (giảm) các khoản phải trả		(200.318.077.999)	(74.940.818.199)
12	Tăng chi phí trả trước		1.574.283.532	9.263.366.802
14	Tiền lãi vay đã trả		(35.775.654.591)	-
<b>20</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>(47.090.393.003)</b>	<b>16.619.291.623</b>
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định ("TSCĐ")		(58.282.730.432)	(365.866.514.032)
23	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(8.458.900.000)	(64.249.858.555)
24	Thu hồi tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và tiền cho vay		47.783.913.200	40.070.323.794
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		30.252.348.578	4.200.000.000
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		7.029.483.108	6.986.552.059
<b>30</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) từ hoạt động đầu tư</b>		<b>18.324.114.454</b>	<b>(378.859.496.734)</b>

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG (tiếp theo)  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
33	Tiền thu từ đi vay	22	428.751.454.139	370.350.322.638
34	Tiền trả nợ gốc vay	22	(393.964.924.216)	(2.500.000.000)
36	Cổ tức ưu đãi đã trả cho chủ sở hữu	23.3	(21.238.027.397)	(21.180.000.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động tài chính		<b>13.548.502.526</b>	<b>346.670.322.638</b>
50	Lưu chuyển tiền và tương đương tiền thuần trong kỳ		<b>(15.217.776.023)</b>	<b>(15.569.882.473)</b>
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		<b>106.354.655.498</b>	<b>122.270.692.777</b>
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(69.361.576)	(346.154.806)
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	4	<b>91.067.517.899</b>	<b>106.354.655.498</b>



Phan Hồng Hoàng  
Người lập kiêm Kế toán trưởng



Nguyễn Trọng Hiếu  
Tổng Giám đốc

Ngày 25 tháng 01 năm 2025



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**1. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP**

Công ty Cổ phần Tập đoàn Kỹ nghệ Gỗ Trường Thành ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 3700530696 do Sở Kế hoạch và Đầu tư ("SKHĐT") Tỉnh Bình Dương cấp ngày 18 tháng 8 năm 2003, và theo các GCNĐKDN điều chỉnh sau đó.

Cổ phiếu của Công ty, với mã chứng khoán là TTF, được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("HOSE") theo Quyết định số 24/QĐ-SGDHCM do Tổng Giám đốc HOSE ký ngày 1 tháng 2 năm 2008.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là sản xuất, chế biến, kinh doanh đồ gỗ nội thất và ngoại thất như bàn, ghế, giường, tủ và các sản phẩm khác; trồng rừng và xây dựng các công trình dân dụng.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Đường ĐT 747, Khu phố 7, Phường Uyên Hưng, Thành phố Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam và Văn phòng đại diện đăng ký tại số 1 Đường Einstein, Phường Bình Thọ, Quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng, trừ hoạt động trồng rừng có chu kỳ sản xuất, kinh doanh dự kiến từ 8 đến 12 năm.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 1.483 người (ngày 31 tháng 12 năm 2023: 1.930 người).

**2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY**

**2.1 Mục đích lập báo cáo tài chính riêng**

Công ty có các công ty con như được trình bày tại Thuyết minh ("TM") số 17.1. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC - Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại văn bản này, Công ty đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 để ngày 27 January 2025.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng nên đọc báo cáo tài chính riêng này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất nói trên để có được thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)**

**2.2 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

Báo cáo tài chính riêng của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam (“VND”) phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính riêng được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam, và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

**2.4 Hình thức sổ kế toán áp dụng**

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

**2.5 Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính riêng bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

**2.6 Đơn vị tiền tệ trong kế toán**

Báo cáo tài chính riêng được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là VND.

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

**3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba (3) tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu và công cụ, dụng cụ - chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.
- Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang và thành phẩm - giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường theo phương pháp bình quân gia quyền.

#### *Dự phòng giảm giá hàng tồn kho*

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, và hàng hóa tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào tài khoản giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

#### 3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng các khoản nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào tài khoản chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

#### 3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.5 Thuê tài sản**

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê, bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

*Trong trường hợp Công ty là bên đi thuê*

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn của hợp đồng thuê.

*Trong trường hợp Công ty là bên cho thuê*

Tài sản theo hợp đồng cho thuê hoạt động được ghi nhận là tài sản cố định trên bảng cân đối kế toán riêng. Chi phí trực tiếp ban đầu để thương thảo thỏa thuận cho thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Thu nhập từ tiền cho thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

**3.6 Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

*Quyền sử dụng đất*

Quyền sử dụng đất được ghi nhận như một tài sản cố định vô hình khi công ty nắm giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nguyên giá của quyền sử dụng đất bao gồm tất cả chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Tiền thuê đất trả trước cho các hợp đồng thuê đất có hiệu lực trước năm 2003 và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được ghi nhận là tài sản cố định vô hình theo quy định của Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định ("Thông tư 45").

**3.7 Khấu hao và hao mòn**

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	5 - 50 năm
Máy móc và thiết bị	2 - 30 năm
Phương tiện vận tải	5 - 15 năm
Thiết bị quản lý	2 - 08 năm
Phần mềm máy tính	3 - 10 năm

Quyền sử dụng đất có thời hạn được trích hao mòn theo số năm phù hợp với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, trong khi quyền sử dụng đất lâu dài sẽ không được trích hao mòn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.8 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc sửa chữa văn phòng, nhà xưởng, mua sắm máy móc, thiết bị của Công ty mà chưa được hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

#### 3.9 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty và được hạch toán như chi phí phát sinh trong kỳ, ngoại trừ các khoản được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

#### 3.10 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

##### Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước bao gồm số dư chưa phân bổ hết của khoản tiền thuê đất đã trả theo các hợp đồng thuê đất. Khoản tiền thuê đất trả trước này được ghi nhận như chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong thời gian còn lại của hợp đồng thuê theo Thông tư 45.

#### 3.11 Các khoản đầu tư

##### Đầu tư vào các công ty con

Khoản đầu tư vào các công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

##### Đầu tư vào các công ty liên kết

Khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận từ lợi nhuận lũy kế của các công ty liên kết sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

##### Đầu tư vào công ty liên doanh

Khoản đầu tư vào các công ty liên doanh mà trong đó Công ty có quyền đồng kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận từ lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên doanh sau ngày Công ty có quyền đồng kiểm soát được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

##### Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.11 Các khoản đầu tư (tiếp theo)**

*Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư*

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào tài khoản chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

*Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

**3.12 Các khoản phải trả và chi phí trích trước**

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được mà không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

**3.13 Trợ cấp thôi việc phải trả**

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Công ty được hơn 12 tháng tính đến ngày lập bảng cân đối kế toán riêng theo tỷ lệ bằng một nửa mức lương bình quân tháng cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 theo Luật Lao động và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng dùng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi kỳ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Tăng hoặc giảm trong khoản trích trước này ngoại trừ phần thanh toán thực tế cho người lao động sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 46 của Bộ luật Lao động.

**3.14 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là VND được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán; và
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

**3.15 Cổ phiếu quỹ**

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi (lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.16 *Phân chia lợi nhuận*

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt, và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau đây từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông thường niên.

##### *Quỹ đầu tư phát triển*

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

##### *Quỹ khen thưởng, phúc lợi*

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán riêng.

#### 3.17 *Ghi nhận doanh thu*

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

##### *Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

##### *Thu nhập cho thuê*

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

##### *Doanh thu hợp đồng thi công lắp đặt*

Khi kết quả thực hiện hợp đồng cung cấp và lắp đặt có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Các khoản tăng giảm khi thực hiện hợp đồng, các khoản tiền thưởng và các khoản thanh toán khác chỉ được tính vào doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng cung cấp và lắp đặt không thể ước tính được một cách đáng tin cậy, thì doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc thu hồi là tương đối chắc chắn. Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận là chi phí trong năm khi các chi phí này đã phát sinh.

Số tiền chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của một hợp đồng cung cấp và lắp đặt đã được ghi nhận cho đến thời điểm báo cáo và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ đến cùng thời điểm được ghi nhận vào khoản phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng cung cấp và lắp đặt trên bảng cân đối kế toán riêng.

##### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi hoàn thành dịch vụ cung cấp cho khách hàng.

##### *Tiền lãi*

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi là không chắc chắn.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.18 Thuế

##### *Thuế thu nhập hiện hành*

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

##### *Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính riêng.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận tính thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.18 Thuế (tiếp theo)**

*Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)*

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- ▶ đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- ▶ Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

**3.19 Các bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

**4. TIỀN VÀ KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	Ngày 31 tháng 12 năm 2024	VND Ngày 1 tháng 1 năm 2024
Tiền mặt	70.989.555	95.536.298
Tiền gửi ngân hàng	42.541.955.555	62.811.467.789
Các khoản tương đương tiền (*)	48.454.572.789	43.447.651.411
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>91.067.517.899</b>	<b>106.354.655.498</b>

(\*) Bao gồm trong các khoản tương đương tiền là khoản tiền gửi tiết kiệm tại các ngân hàng thương mại có kỳ hạn gốc không quá ba (3) tháng và hưởng tiền lãi theo lãi suất do các ngân hàng thương mại áp dụng. Trong đó, một số khoản tiền gửi có kỳ hạn được Công ty sử dụng để ký quỹ cho việc bảo lãnh thực hiện các hợp đồng thi công lắp đặt.

**5. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN NGẮN HẠN**

Số dư cuối năm thể hiện khoản tiền gửi tại các ngân hàng thương mại có kỳ hạn gốc trên ba (3) tháng và kỳ hạn còn lại dưới mười hai (12) tháng và hưởng tiền lãi theo lãi suất do các ngân hàng thương mại áp dụng. Công ty đã sử dụng các khoản tiền gửi có kỳ hạn này để ký quỹ cho việc bảo lãnh thực hiện các hợp đồng thi công lắp đặt.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG NGẮN HẠN**

	VND	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2024	Ngày 01 tháng 01 năm 2024
Phải thu từ các bên khác	425.790.642.281	461.442.126.359
- Công ty Cổ phần Vinhomes	55.186.795.410	68.758.486.380
- CN tại Hưng Yên - Công Ty CP Vinhomes	62.948.982.814	112.495.257.964
- Công ty Cổ phần Trường Thành	89.539.510.939	
- Công ty Cổ phần Chế biến gỗ Trường Thành	30.543.678.415	
- Các khách hàng khác	187.571.674.703	280.188.382.015
Phải thu các bên liên quan (TM số 31)	101.543.821.666	192.654.203.961
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>527.334.463.947</b>	<b>654.096.330.320</b>
Dự phòng các khoản phải thu của khách hàng ngắn hạn khó đòi	(93.994.487.298)	(86.800.903.837)
<b>GIÁ TRỊ THUẦN</b>	<b>433.339.976.649</b>	<b>567.295.426.483</b>

**7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	VND	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2024	Ngày 01 tháng 01 năm 2024
Trả trước cho các bên khác	282.385.600.689	63.963.349.271
- Công ty Cổ phần Trường Thành	65.865.903.874	-
- Công ty Cổ phần Chế biến gỗ Trường Thành	146.943.995.581	-
- Các người bán khác	69.575.701.234	63.963.349.271
Trả trước cho các bên liên quan (TM số 31)	-	213.887.368.081
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>282.385.600.689</b>	<b>277.850.717.352</b>
Dự phòng các khoản trả trước cho người bán ngắn hạn khó đòi	(151.496.855.792)	(152.461.270.936)
<b>GIÁ TRỊ THUẦN</b>	<b>130.888.744.897</b>	<b>125.389.446.416</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**8. PHẢI THU VỀ CHO VAY**

	VND	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2024	Ngày 01 tháng 01 năm 2024
<b>Ngắn hạn</b>	<b>334.405.746.152</b>	<b>363.587.277.752</b>
Cho vay các bên liên quan (TM số 31) (*)	69.487.336.400	338.584.376.679
Cho các bên khác vay	264.918.409.752	25.002.901.073
- Công ty Cổ phần Trường Thành	121.851.654.540	-
- Công ty Cổ phần Chế biến gỗ Trường Thành	118.063.854.139	-
- Các bên khác	25.002.901.073	25.002.901.073
<b>Dài hạn</b>	<b>32.100.000.000</b>	<b>16.600.000.000</b>
Cho vay các bên liên quan (TM số 31) (*)	32.100.000.000	16.600.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>366.505.746.152</b>	<b>380.187.277.752</b>
Dự phòng phải thu cho vay khó đòi	(170.077.783.632)	(183.533.813.649)
<b>GIÁ TRỊ THUẦN</b>	<b>196.427.962.520</b>	<b>196.653.464.103</b>

(\*) Số dư cuối kỳ thể hiện khoản cho các bên liên quan vay tín chấp với lãi suất dao động từ 7% đến 12,5%/năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**9. CÁC PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC**

	VND	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2024	Ngày 01 tháng 01 năm 2024
<b>Ngắn hạn</b>	<b>154.725.078.278</b>	<b>160.479.646.558</b>
Phải thu từ các bên liên quan (TM số 31)	43.754.168.084	43.188.335.848
Cho vay không lãi suất	4.889.935.121	11.416.821.322
Phải thu từ hợp đồng ủy thác đầu tư (*)	61.600.000.000	61.600.000.000
Phải thu nhân viên	21.921.599.706	17.394.709.690
Lãi cho vay và lãi tiền gửi	10.578.037.735	883.810.611
Đặt cọc tiền đi thuê	1.682.945.659	2.810.578.662
Khác	10.298.391.973	23.185.390.425
<b>Dài hạn</b>	-	-
Ký quỹ, ký cược	-	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>154.725.078.278</b>	<b>160.479.646.558</b>
Dự phòng phải thu ngắn hạn khác khó đòi	(25.079.071.985)	(29.048.156.437)
<b>GIÁ TRỊ THUẦN</b>	<b>129.646.006.293</b>	<b>131.431.490.121</b>

(\*) Khoản này thể hiện ủy thác đầu tư cho các cá nhân nhằm đầu tư vào các công ty sản xuất giường, tủ, bàn, ghế.

**10. DỰ PHÒNG PHẢI THU NGẮN HẠN KHÓ ĐÒI**

Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi bao gồm dự phòng cho các khoản phải thu khách hàng ngắn hạn, các khoản trả trước nhà cung cấp ngắn hạn, các khoản phải thu theo tiến độ hợp đồng xây dựng, các khoản phải thu về cho vay ngắn hạn và các khoản phải thu ngắn hạn khác. Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi:

	VND	
	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
Số đầu kỳ	(459.100.595.786)	(798.316.144.866)
Dự phòng trích lập trong kỳ	-	(17.624.486.615)
Xóa số dự phòng trong kỳ	-	347.850.590.760
Hoàn nhập dự phòng trong kỳ	11.195.946.152	8.989.444.935
Số cuối kỳ	<b>(447.904.649.634)</b>	<b>(459.100.595.786)</b>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày

**11. HÀNG TỒN KHO**

	VND			
	Ngày 31 tháng 12 năm 2024		Ngày 01 tháng 01 năm 2024	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu vật liệu	98.485.280.314	-	92.926.900.313	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	82.325.149.398	(18.529.448.479)	85.700.224.263	(17.510.578.426)
<i>Chi phí dở dang hàng sản xuất</i>	60.218.153.123	(18.529.448.479)	71.182.604.417	(17.510.578.426)
<i>Chi phí dở dang công trình lắp đặt</i>	22.106.996.275	-	14.517.619.846	-
Thành phẩm	79.281.226.057	-	111.811.529.344	-
Hàng hóa	5.055.437.068	-	6.230.504.759	-
Công cụ dụng cụ	2.032.504.741	-	2.001.464.612	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>267.179.597.578</b>	<b>(18.529.448.479)</b>	<b>298.670.623.291</b>	<b>(17.510.578.426)</b>

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

	VND	
	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
Số đầu năm	(17.510.578.426)	(17.510.578.426)
Trừ: Hoàn nhập dự phòng (trích lập dự phòng)	(1.018.870.053)	-
Số cuối năm	<u>(18.529.448.479)</u>	<u>(17.510.578.426)</u>

## Công ty Cổ phần Tập đoàn Kỹ nghệ Gỗ Trường Thành

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày

### 12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa và vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tổng cộng
<b>Nguyên giá:</b>					VND
Số đầu kỳ	137.669.839.128	228.808.155.884	13.307.042.651	8.225.454.170	388.010.491.833
Phân loại lại	178.201.186.418	25.318.993.535	6.287.265.636	10.896.198.080	220.703.643.669
Mua mới	-	44.512.226.350	1.924.927.273	201.405.420	46.638.559.043
Xây dựng cơ bản hoàn thành	30.193.956.038	-	2.006.162.840	-	32.200.118.878
Số cuối kỳ	346.064.981.584	298.639.375.769	23.525.398.400	19.323.057.670	687.552.813.423
<b>Trong đó:</b>					
Đã khấu hao hết	5.728.318.425	76.575.368.868	7.138.533.038	2.409.196.593	91.851.416.924
<b>Giá trị khấu hao lũy kế:</b>					
Số đầu kỳ	(56.428.442.148)	(146.285.744.371)	(8.448.481.033)	(5.648.452.706)	(216.811.120.258)
Khấu hao trong kỳ	(5.502.892.258)	(16.232.485.492)	(854.552.942)	(804.312.396)	(23.394.243.088)
Phân loại lại	(56.750.147.918)	(5.684.991.676)	(2.348.450.322)	(3.546.939.479)	(68.330.529.395)
Số cuối kỳ	(118.681.482.324)	(168.203.221.539)	(11.651.484.297)	(9.999.704.581)	(308.535.892.741)
<b>Giá trị còn lại:</b>					
Số đầu kỳ	81.241.396.980	82.522.411.513	4.858.561.618	2.577.001.464	171.199.371.575
Số cuối kỳ	227.383.499.260	130.436.154.230	11.873.914.103	9.323.353.089	379.016.920.682

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày

**13. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	VND		
	<i>Phần mềm máy tính</i>	<i>Khác</i>	<i>Tổng cộng</i>
<b>Nguyên giá:</b>			
Số đầu kỳ	22.855.246.841	302.259.011	23.157.505.852
Mua mới	-	910.900.000	910.900.000
Số cuối kỳ	<u>22.855.246.841</u>	<u>1.213.159.011</u>	<u>24.068.405.852</u>
<i>Trong đó:</i>			
<i>Đã hao mòn hết</i>	881.724.915	157.259.011	1.038.983.926
<b>Giá trị hao mòn lũy kế:</b>			
Số đầu kỳ	(11.812.908.321)	(226.770.752)	(12.039.679.073)
Hao mòn trong kỳ	(2.320.972.876)	(181.220.493)	(2.502.193.369)
Số cuối kỳ	<u>(14.133.881.197)</u>	<u>(407.991.245)</u>	<u>(14.541.872.442)</u>
<b>Giá trị còn lại:</b>			
Số đầu kỳ	<u>11.042.338.520</u>	<u>75.488.259</u>	<u>11.117.826.779</u>
Số cuối kỳ	<u>8.721.365.644</u>	<u>805.167.766</u>	<u>9.526.533.410</u>

**14. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

	VND	
	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2024</i>	<i>Ngày 01 tháng 01 năm 2024</i>
Mua sắm TSCĐ	891.028.879	8.267.312.757
Sửa chữa văn phòng, nhà xưởng	40.378.587.109	45.240.748.169
Chi phí xây dựng và mua sắm tài sản khác	2.485.035.5467	13.672.814.871
<b>TỔNG CỘNG</b>	<u><b>43.754.651.535</b></u>	<u><b>67.180.875.797</b></u>

**15. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	VND	
	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2024</i>	<i>Ngày 01 tháng 01 năm 2024</i>
<b>Ngắn hạn</b>	<b>3.533.710.906</b>	<b>2.761.313.312</b>
Công cụ, dụng cụ	1.373.910.140	416.475.914
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.406.529.223	837.451.460
Khác	753.271.543	1.507.385.938
<b>Dài hạn</b>	<b>78.084.090.209</b>	<b>14.260.216.699</b>
Công cụ, dụng cụ và bảo trì	12.100.271.554	11.492.052.541
Chi phí thuê đất (*)	65.771.836.552	1.651.376.023
Khác	211.982.103	1.116.788.135
<b>TỔNG CỘNG</b>	<u><b>81.617.801.115</b></u>	<u><b>17.021.530.011</b></u>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày

**16. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC**

Đây là giá trị còn lại các tài sản là nhà cửa, vật kiến trúc, máy móc thiết bị và các quyền sử dụng đất dung để cầm trả nợ vay và lãi vay với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Á theo các Thỏa thuận nhận tài sản đảm bảo để thay thế một phần nghĩa vụ nợ số 01/2018/VBTT-VAB-TTF, 02/2028/VBTT-VAB-TTF và 03/2018/VBTT-VAB-TTF ngày 29 tháng 9 năm 2018 (“Tài sản cầm trả”).

Công ty đã hoàn thành việc nhận tại Tài sản cầm trả trong kỳ này.

**17. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

	VND	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2024	Ngày 01 tháng 01 năm 2024
Đầu tư vào các công ty con (TM số 17.1)	504.225.744.949	544.825.744.949
Đầu tư vào các công ty liên doanh, liên kết (TM số 17.2)	386.259.356.370	386.259.356.370
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	2.874.643.266	-
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (*)	279.784.766	279.784.766
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>893.639.529.351</b>	<b>931.364.886.085</b>
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (TM số 17.1 và 17.2)	(91.890.034.972)	(117.431.738.883)
<b>GIÁ TRỊ THUẦN</b>	<b>801.749.494.379</b>	<b>813.933.147.202</b>

(\*) Số dư cuối kỳ thể hiện khoản đầu tư góp vốn vào Công ty Cổ phần Công nghiệp và Thương mại Lidovit với giá gốc khoản đầu tư là 279.784.766 VND tương đương với tỷ lệ sở hữu và biểu quyết là 0,47%, và

## Công ty Cổ phần Tập đoàn Kỹ nghệ Gỗ Trường Thành

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày

### 17. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

#### 17.1 Đầu tư vào các công ty con

Tên công ty con	Ngày 31 tháng 12 năm 2024		Ngày 01 tháng 01 năm 2024		Địa điểm	Ngành nghề kinh doanh
	Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết (%)	Giá gốc VND	Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết (%)	Giá gốc VND		
Công ty TNHH MTV Sứ Thiên Thành	100,00	345.793.853.960 (10.800.052.079)	100,00	345.793.853.960	Bình Dương	Thiết bị vệ sinh
Công ty Cổ phần Lâm nghiệp Trường Thành	99,97	59.564.847.684	99,97	59.564.847.684	Đắk Lắk	Trồng rừng
Công ty Cổ phần Central Wood	51,00	30.600.000.000	51,00	30.600.000.000	Bình Định	Sản xuất đồ gỗ
Công ty Cổ phần Trường Thành Xanh	99,98	27.777.683.305 (25.709.507.256)	99,98	27.777.683.305 (24.981.910.222)	Phú Yên	Trồng rừng
Công ty Cổ phần Trồng rừng Trường Thành	97,24	26.809.360.000	97,24	26.809.360.000	Đắk Lắk	Trồng rừng
Công ty Cổ phần Trường Thành	-	-	77,78	21.000.000.000 (21.000.000.000)	Đắk Lắk	Sản xuất đồ gỗ
Công ty Cổ phần Chế biến Gỗ Trường Thành	-	-	76,96	19.600.000.000 (19.600.000.000)	Đắk Lắk	Sản xuất đồ gỗ
Công ty Cổ phần Đồ gỗ Casadora	60,00	8.280.000.000 (8.280.000.000)	60,00	8.280.000.000 (8.280.000.000)	Bình Dương	Sản xuất đồ gỗ
Công ty Cổ phần Quản lý Cụm Công nghiệp Trường Thành - Ea H'leo	97,30	5.400.000.000 (5.400.000.000)	97,30	5.400.000.000 (5.400.000.000)	Đắk Lắk	Khu Công nghiệp
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>504.225.744.949 (50.189.559.335)</b>		<b>544.825.744.949 (79.261.910.222)</b>		

## Công ty Cổ phần Tập đoàn Kỹ nghệ Gỗ Trường Thành

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày

### 17. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

#### 17.2 Đầu tư vào các công ty liên doanh, liên kết

Tên công ty liên doanh, liên kết	Ngày 31 tháng 12 năm 2024		Ngày 01 tháng 01 năm 2024		Địa điểm	Ngành nghề kinh doanh
	Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết (%)	Giá gốc VND	Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết (%)	Giá gốc VND		
Công ty Cổ phần Tekcom	16,95	166.600.013.370	-	166.600.013.370	Bình Dương	Sản xuất ván ép
Natuzzi Singapore PTE. LTD	20,00	122.728.870.000	-	122.728.870.000	Singapore	Nội thất
Công ty TNHH Trồng rừng Trường Thành OJI	51,00	94.930.473.000 (39.700.475.637)	51,00	94.930.473.000 (36.169.828.661)	Phú Yên	Trồng rừng
Công ty Cổ phần Bao bì Trường Thành	43,76	2.000.000.000 (2.000.000.000)	43,76	2.000.000.000 (2.000.000.000)	TP. HCM	Bao bì
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>386.259.356.370 (41.700.475.637)</b>		<b>386.259.356.370 (38.169.828.661)</b>		



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**18. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN VÀ NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC**

**18.1 Phải trả người bán ngắn hạn**

	VND	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2024	Ngày 01 tháng 01 năm 2024
Phải trả nhà cung cấp	154.362.110.201	180.561.942.640
Phải trả cho các bên liên quan (TM số 31)	<u>18.651.174.594</u>	<u>4.851.331.054</u>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>173.013.284.795</u></b>	<b><u>185.413.273.694</u></b>

**18.2 Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	VND	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2024	Ngày 01 tháng 01 năm 2024
<b>Ngắn hạn</b>	<b>215.684.853.374</b>	<b>310.952.976.694</b>
Công ty Cổ phần Luux Interior	10.154.730.362	70.592.179.813
Fourhands LLC	8.405.432.006	9.434.336.803
Ông Võ Đình Ngọc	11.000.000.000	11.000.000.000
Các khách hàng khác	46.524.691.006	80.326.460.078
Bên liên quan trả tiền trước (TM số 31)	139.600.000.000	139.600.000.000
<b>Dài hạn</b>	<b>1.032.336.527.786</b>	<b>1.032.336.527.786</b>
Công ty Cổ phần Vinhomes	<u>1.032.336.527.786</u>	<u>1.032.336.527.786</u>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>1.248.021.381.160</u></b>	<b><u>1.343.289.504.480</u></b>

(\*) Khoản đặt cọc nêu trên là số tiền 1.032.336.527.786 VND mà Công ty sẽ phải thanh toán tiền lãi theo lãi suất huy động tiền gửi tiết kiệm thời hạn mười hai (12) tháng của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại Thương ("Vietcombank") vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 2.75%/năm (ngày 31 tháng 12 năm 2023: 5,5%/năm) theo Thỏa thuận Nguyên tắc ngày 15 tháng 5 năm 2017 và phụ lục ngày 15 tháng 5 năm 2022 giữa Công ty Cổ phần Tập đoàn Vingroup ("Vingroup") và Công ty. Số tiền đặt cọc và tiền lãi phát sinh này sẽ được trừ tương ứng 10% giá trị nghiệm thu theo các hợp đồng thi công lắp đặt giữa Công ty, Vingroup và Vinhomes.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**19. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	VND	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2024	Ngày 01 tháng 01 năm 2024
<b>Phải thu</b>		
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	11.232.412.666	14.064.764.798
Thuế khác	173.962.543	168.213.822
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>11.406.375.209</b>	<b>14.232.978.620</b>
<b>Phải nộp</b>		
Thuế giá trị gia tăng	354.852.634	3.796.988.450
Thuế thu nhập doanh nghiệp	976.437.493	976.437.493
Thuế thu nhập cá nhân	1.089.948.788	9.386.691.139
Khác	17.344.587.043	28.412.663.182
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>19.765.825.958</b>	<b>42.572.780.264</b>

**20. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	VND	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2024	Ngày 01 tháng 01 năm 2024
Lãi vay và lãi đặt cọc (*)	236.532.194.835	269.995.567.239
Bồi thường quyền phát triển rừng do không cung cấp đủ diện tích rừng trồng như đã cam kết (**)	51.390.000.000	48.820.000.000
Cổ tức ưu đãi phải trả	21.180.000.000	21.238.027.397
Khác	22.733.357.360	23.938.564.091
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>331.835.552.195</b>	<b>363.992.158.727</b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải trả các bên khác</i>	276.391.567.970	311.445.163.651
<i>Phải trả bên liên quan (TM số 31)</i>	55.443.984.225	52.546.995.076

(\*) Chi tiết lãi vay và lãi đặt cọc được trình bày như sau:

	VND	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2024	Ngày 01 tháng 01 năm 2024
Lãi cọc từ khoản ứng trước từ Vinhomes	231.242.316.011	229.393.537.752
Lãi vay từ các khoản vay khác	5.289.878.824	40.602.029.487
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>236.532.194.835</b>	<b>269.995.567.239</b>

(\*\*) Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là khoản tiền bồi thường quyền phát triển rừng tương đương 2.000.000 USD cho OJI Paper Co., Ltd. ("OJI Paper") do Công ty không cung cấp đủ diện tích rừng trồng như đã cam kết theo Biên bản Ghi nhớ giữa Công ty và OJI Paper.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**21. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC**

	VND	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2024	Ngày 01 tháng 01 năm 2024
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp	677.624.246	792.027.511
Kinh phí công đoàn	4.329.466.542	6.213.939.782
Các khoản phải trả, phải nộp khác	3.147.019.808	2.598.806.809
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>8.154.110.596</b>	<b>9.604.774.102</b>

**22. VAY NGẮN HẠN**

	VND	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2024	Ngày 01 tháng 01 năm 2024
Vay bên liên quan (TM số 22.1 và 31)	50.299.000.000	14.900.000.000
Vay từ ngân hàng (TM số 22.2)	369.237.852.561	369.850.322.638
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>419.536.852.561</b>	<b>384.750.322.638</b>

**22.1 Vay bên liên quan**

Công ty sử dụng khoản vay ngắn hạn tín chấp từ Công ty Cổ phần Central Wood nhằm mục đích bổ sung nhu cầu vốn lưu động. Chi tiết được trình bày như sau:

Hợp đồng	Ngày 31 tháng 12 năm 2024	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Lãi suất %/năm
	VND		
Natuzzi Singapore Pte, Ltd	35.399.000.000	12 tháng kể từ ngày giải ngân	Libor (1M) - 0.25
Công ty Cổ phần Central Wood	14.900.000.000	Ngày 06 tháng 03 năm 2025	6,8
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>50.299.000.000</b>		



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**22. VAY NGẮN HẠN** (tiếp theo)

**22.2 Vay ngân hàng**

Công ty sử dụng khoản vay ngắn hạn từ các ngân hàng nhằm mục đích bổ sung nhu cầu vốn lưu động. Chi tiết được trình bày như sau:

Hợp đồng	Ngày 31 tháng 12 năm 2024	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Lãi suất %/năm	Thế chấp
	VND			
Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam - Chi nhánh Thăng Lợi	29.370.748.031	12 tháng kể từ ngày giải ngân	Lãi suất thị trường	Tin chấp
Ngân hàng TMCP Việt Á – Chi nhánh Hồ Chí Minh	339.867.104.530	12 tháng kể từ ngày giải ngân	Lãi suất thị trường	Quyền sử dụng đất và tài sản trên đất của Công ty TNHH MTV Sao Nam và Ông Võ Đình Ngọc
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>369.237.852.561</u></b>			

## Công ty Cổ phần Tập đoàn Kỹ nghệ Gỗ Trường Thành

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 23. VỐN CHỦ SỞ HỮU

#### 23.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lỗi lũy kế	Tổng cộng
						VND
<b>Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023</b>						
Số đầu kỳ	4.111.983.020.000	(517.711.506.620)	(552.965.000)	16.176.475.297	(3.049.627.110.887)	560.267.912.790
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	(103.505.462.042)	(103.505.462.042)
Cổ tức cổ phiếu ưu đãi	-	-	-	-	(21.484.602.739)	(21.484.602.739)
Số cuối kỳ	4.111.983.020.000	(517.711.506.620)	(552.965.000)	16.176.475.297	(3.174.617.175.668)	435.277.848.009
<b>Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024:</b>						
Số đầu kỳ	4.111.983.020.000	(517.711.506.620)	(552.965.000)	16.176.475.297	(3.174.617.175.668)	435.277.848.009
Cổ tức cổ phiếu ưu đãi (*)	-	-	-	-	(21.180.000.000)	(21.180.000.000)
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	(46.946.625.556)	(46.946.625.556)
Số cuối kỳ	4.111.983.020.000	(517.711.506.620)	(552.965.000)	16.176.475.297	(3.242.743.801.224)	367.151.222.453

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**23. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)**

**23.2 Cổ phiếu**

	<i>Số lượng cổ phiếu</i>	
	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2024</i>	<i>Ngày 01 tháng 01 năm 2024</i>
<b>Cổ phiếu đã đăng ký phát hành</b>		
Cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đầy đủ		
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	393.548.302	393.548.302
<i>Cổ phiếu ưu đãi (*)</i>	17.650.000	17.650.000
<b>Cổ phiếu quỹ</b>		
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	(15.815)	(15.815)
<b>Cổ phiếu đang lưu hành</b>		
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	393.532.487	393.532.487
<i>Cổ phiếu ưu đãi (*)</i>	17.650.000	17.650.000

(\*) Các cổ phiếu ưu đãi không có quyền biểu quyết theo quy định của theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam, trừ các trường hợp biểu quyết về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phiếu ưu đãi theo luật định. Ngoài ra, cổ đông sở hữu cổ phiếu ưu đãi được hưởng mức cổ tức cố định là 12%/năm và có quyền chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông bất cứ lúc nào với tỷ lệ chuyển đổi là 1:1.

Mệnh giá mỗi cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND. Các cổ đông nắm giữ cổ phiếu phổ thông của Công ty được quyền hưởng cổ tức do Công ty công bố. Mỗi cổ phiếu phổ thông thể hiện một quyền biểu quyết, không hạn chế.

**23.3 Các giao dịch về vốn với cổ đông**

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024</i>	<i>Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023</i>
<b>Vốn cổ phần đã góp</b>		
Số đầu kỳ và cuối kỳ	4.111.983.020.000	4.111.983.020.000
<b>Cổ phần ưu đãi cổ tức</b>		
Số đầu kỳ và cuối kỳ	21,180,000,000	21,180,000,000



# Công ty Cổ phần Tập đoàn Kỹ nghệ Gỗ Trường Thành

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## 24. DOANH THU THUẬN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

### 24.1 Doanh thu thuận về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Quý IV		Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này		VND
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước	
Doanh thu bán nguyên liệu, thành phẩm và hàng hóa	205.098.484.928	323.278.740.999	873.692.086.744	1.122.583.622.706	
Doanh thu cung cấp dịch vụ	18.622.479.380	29.351.136.668	87.933.951.478	126.990.883.855	
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>223.720.964.308</b>	<b>352.629.877.667</b>	<b>961.626.038.222</b>	<b>1.249.574.506.561</b>	

### 24.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	Quý IV		Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này		VND
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước	
Lãi tiền gửi ngân hàng và lãi cho vay	3.320.696.092	3.814.705.349	12.983.241.924	13.988.261.559	
Chiết khấu	586.694.091	1.237.394.179	2.766.195.337	1.237.394.179	
Lãi chuyển nhượng chứng khoán, chuyển nhượng vốn	40.750.000.000	-	40.750.000.000	-	
Lãi chênh lệch tỷ giá	3.302.606.166	(2.993.522.856)	11.287.729.603	7.456.839.746	
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>47.959.996.349</b>	<b>2.058.576.672</b>	<b>67.787.166.864</b>	<b>22.682.495.484</b>	

## Công ty Cổ phần Tập đoàn Kỹ nghệ Gỗ Trường Thành

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 25. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Quý IV		Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này		VND
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước	
Giá vốn nguyên liệu, thành phẩm và hàng hóa	228.319.083.451	263.018.451.456	828.324.902.050	994.378.209.176	
Giá vốn dịch vụ	2.633.954.513	6.488.551.119	41.688.626.821	59.536.557.961	
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>230.953.037.964</b>	<b>269.507.002.575</b>	<b>870.013.528.871</b>	<b>1.053.914.767.137</b>	

### 26. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Quý IV		Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này		VND
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước	
Chi phí lãi vay	17.351.695.303	14.522.881.081	66.342.882.538	57.546.163.819	
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	747.972.972	(3.170.276.435)	5.405.345.814	1.221.109.037	
Chiết khấu thanh toán	15.860.674	-	18.382.834	710.490.776	
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	-	22.206.920	15.058.296.089	(504.540.882)	
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>18.115.528.949</b>	<b>11.374.811.566</b>	<b>86.824.907.275</b>	<b>58.973.222.750</b>	

## Công ty Cổ phần Tập đoàn Kỹ nghệ Gỗ Trường Thành

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 27. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Quý IV			VND
	Năm nay	Năm trước	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
<b>Chi phí bán hàng</b>	<b>20.411.031.280</b>	<b>18.422.555.958</b>	<b>88.868.446.451</b>	<b>85.093.668.045</b>
Chi phí nhân viên	13.161.077.109	9.451.676.159	47.909.466.517	45.654.877.897
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.189.521.179	8.193.352.324	21.491.597.811	25.377.193.225
Chi phí khấu hao và hao mòn	1.092.727.621	276.683.567	2.269.570.987	1.540.881.191
Chi phí đi thuê	478.399.565	-	1.836.790.315	-
Chi phí công cụ, dụng cụ	272.981.543	294.041.411	1.389.101.658	2.258.362.469
Chi phí khác	2.216.324.263	206.802.497	13.971.919.163	10.262.353.263
<b>Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>34.616.681.378</b>	<b>15.820.952.328</b>	<b>31.554.085.184</b>	<b>66.971.259.276</b>
Chi phí nhân viên	(748.796.648)	704.602.382	27.035.259.186	28.119.494.430
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.323.361.359	(284.962.745)	5.816.672.487	7.589.162.528
Dự phòng phải thu khó đòi	30.709.472.571	8.934.208.626	(9.706.644.500)	9.541.349.478
Chi phí khấu hao và hao mòn	2.433.241.620	305.265.037	3.391.833.213	3.311.641.172
Chi phí đi thuê	261.916.826	4.488.547.932	1.056.645.161	13.384.386.536
Chi phí công cụ, dụng cụ	172.340.729	-	876.498.521	0
Chi phí khác	465.144.921	1.673.291.096	3.083.821.116	5.025.225.132
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>55.027.712.658</b>	<b>34.243.508.286</b>	<b>120.422.531.635</b>	<b>152.064.927.321</b>



# Công ty Cổ phần Tập đoàn Kỹ nghệ Gỗ Trường Thành

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## 30. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("thuế TNDN") áp dụng cho Công ty là 20% thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng có thể sẽ thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

### 30.1 Thuế TNDN

	VND
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
-	31.884.628.812

Trích bổ sung thuế TNDN trong các kỳ trước

### 30.2 Lỗ thuế

Lỗ thuế của Công ty khác với khoản lỗ được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì lỗ thuế không bao gồm các khoản mục lỗ thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế.

### 30.3 Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận

Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại đối với các khoản mục sau do Công ty không ước tính chắc chắn được lợi nhuận chịu thuế trong tương lai:

## Công ty Cổ phần Tập đoàn Kỹ nghệ Gỗ Trường Thành

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 31. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nghịệp vụ</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2024</i>	<i>Ngày 01 tháng 01 năm 2024</i>	<i>VND</i>
<b><i>Phải thu ngắn hạn của khách hàng</i></b>					
Công ty Cổ phần Trường Thành	Công ty con	Bán hàng	-	67.694.891.075	
Công ty Cổ phần Chế biến Gỗ Trường Thành	Công ty con	Bán hàng	-	8.934.580.832	
Công ty Cổ phần Đồ gỗ Casadora	Công ty con	Bán hàng	8.549.955.960	7.854.000.000	
Công ty TNHH MTV Sứ Thiên Thanh	Công ty con	Bán hàng	86.400.000	86.400.000	
Công ty Cổ phần Trồng rừng Trường Thành	Công ty con	Bán hàng	7.150.000	7.150.000	
Công ty TNHH Thương mại TTF	Công ty cùng thành viên chủ chốt	Bán hàng	92.900.315.706	108.077.182.054	
			<b>101.543.821.666</b>	<b>192.654.203.961</b>	
<b><i>Trả trước cho người bán ngắn hạn</i></b>					
Công ty Cổ phần Chế biến Gỗ Trường Thành	Công ty con	Mua nguyên liệu	-	65.865.903.874	
Công ty Cổ phần Đồ gỗ Casadora	Công ty con	Mua nguyên liệu	-	1.077.468.626	
Công ty Cổ phần Trường Thành	Công ty con	Mua nguyên liệu	-	146.943.995.581	
			-	<b>213.887.368.081</b>	

## Công ty Cổ phần Tập đoàn Kỹ nghệ Gỗ Trường Thành

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 31. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nghiệp vụ	Ngày 31 tháng 12 năm 2024	Ngày 01 tháng 01 năm 2024	VND
<b>Phải thu về cho vay ngắn hạn</b>					
Công ty Cổ phần Trường Thành	Công ty con	Cho vay	-	144.551.654.540	
Công ty Cổ phần Chế biến Gỗ Trường Thành	Công ty con	Cho vay	-	118.063.854.139	
Công ty TNHH Trồng rừng Trường Thành OJI	Công ty liên doanh	Cho vay	39.869.436.400	38.064.868.000	
Công ty Cổ phần Đồ gỗ Casadora	Công ty con	Cho vay	21.047.500.000	15.804.000.000	
Công ty Cổ phần Lâm nghiệp Trường Thành	Công ty con	Cho vay	8.570.400.000	6.600.000.000	
Công ty TNHH MTV Sứ Thiên Thanh	Công ty con	Cho vay	-	15.500.000.000	
			<b>69.487.336.400</b>	<b>338.584.376.679</b>	
<b>Phải thu về cho vay dài hạn</b>					
Công ty TNHH MTV Sứ Thiên Thanh	Công ty con	Cho vay	32.100.000.000	16.600.000.000	
			<b>32.100.000.000</b>	<b>16.600.000.000</b>	



## Công ty Cổ phần Tập đoàn Kỹ nghệ Gỗ Trường Thành

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 31. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nghiệp vụ</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2024</i>	<i>Ngày 01 tháng 01 năm 2024</i>	<i>VND</i>
<b><i>Phải thu ngắn hạn khác</i></b>					
Công ty Cổ phần Chế biến Gỗ Trường Thành	Công ty con	Lãi cho vay	-	1.108.458.686	-
Công ty Cổ phần Quản lý Cụm Công nghiệp Trường Thành - Ea H'leo	Công ty con	Cho mượn	24.928.379.364	24.928.379.364	
Công ty Cổ phần Trường Thành	Công ty con	Lãi cho vay	-	1.291.158.372	
	Công ty con	Cho mượn	-	311.313.799	
		Khác	-	65.198.000	
Công ty Cổ phần Lâm nghiệp Trường Thành	Công ty con	Lãi cho vay	139.113.517	139.113.517	
Công ty Cổ phần Đồ gỗ Casadora	Công ty con	Lãi cho vay	8.007.492.574	4.563.539.721	
		Khác		3.053.912.870	
Công ty TNHH MTV Sứ Thiên Thanh	Công ty con	Lãi cho vay	9.843.619.715	6.232.783.573	
		Chi Hộ	22.256.800	148.500.000	
Công ty TNHH Trồng rừng Trường Thành OJI	Công ty liên doanh	Lãi cho vay	665.752.414	868.424.246	
		Khác	-	330.000.000	
Công ty TNHH Thương mại TTF	Công ty liên kết	Khác	54.303.700	54.303.700	
Công ty Cổ phần Bao bì Trường Thành	Công ty con	Khác	93.250.000	93.250.000	
Công ty Cổ phần Central Wood	Công ty con	Khác	93.250.000	93.250.000	
			<b>43.754.168.084</b>	<b>43.188.335.848</b>	

## Công ty Cổ phần Tập đoàn Kỹ nghệ Gỗ Trường Thành

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 31. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nghịệp vụ</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2024</i>	<i>Ngày 01 tháng 01 năm 2024</i>	<i>VND</i>
<b><i>Phải trả người bán ngắn hạn</i></b>					
Công ty Cổ phần Bao bì Trường Thành	Công ty liên kết	Mua hàng	1.717.935.076	1.717.935.076	
Công ty Cổ phần Trường Thành	Công ty con	Mua hàng	-	-	
Công ty Cổ phần Trường Thành Xanh	Công ty con	Mua hàng	452.818.956	1.276.614.418	
Công ty Cổ phần Đồ gỗ Casadora	Công ty con	Mua hàng	16.359.449.562	1.605.397.120	
Công ty TNHH Thương mại TTF	Công ty cùng thành viên chủ chốt	Mua hàng		117.453.440	
Công ty TNHH MTV Sứ Thiên Thanh	Công ty con	Mua hàng		-	
Công ty Cổ phần Chế biến Gỗ Trường Thành	Công ty con	Mua Hàng	120.971.000	120.971.000	
Công ty Cổ phần Lâm nghiệp Trường Thành	Công ty con	Mua hàng			
			<b>18.651.174.594</b>	<b>4.851.331.054</b>	
<b><i>Chi phí phải trả ngắn hạn</i></b>					
OJI Paper Co., Ltd.	Công ty cùng liên doanh vào OJI	Bồi thường	50.980.000.000	48.820.000.000	
Công ty Cổ phần Central Wood	Công ty con	Chi phí lãi vay	4.053.984.225	3.726.995.076	
			<b>55.033.984.225</b>	<b>52.546.995.076</b>	
<b><i>Vay ngắn hạn</i></b>					
Công ty Cổ phần Central Wood	Công ty con	Vay	14.900.000.000	14.900.000.000	
			<b>49.984.000.000</b>	<b>14.900.000.000</b>	

(\*) Đây là khoản vay tín chấp ngắn hạn, đáo hạn vào ngày 6 tháng 3 năm 2023, với lãi suất 6.8%/năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**32. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN**

Ngoài các sự kiện đã nêu trong các thuyết minh báo cáo tài chính riêng, không có sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính riêng của Công ty.

---

Phan Hồng Hoàng  
Người lập kiêm Kế toán trưởng

---

Nguyễn Trọng Hiếu  
Tổng Giám đốc

Ngày 27 tháng 01 năm 2025



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**32. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN**

Ngoài các sự kiện đã nêu trong các thuyết minh báo cáo tài chính riêng, không có sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính riêng của Công ty.



Phan Hồng Hoàng  
Người lập kiêm Kế toán trưởng



Nguyễn Trọng Hiếu  
Tổng Giám đốc

Ngày 25 tháng 01 năm 2025

